

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trong hầu hết phiên giao dịch, kết phiên đảo chiều giảm điểm mạnh dưới sự ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu chứng khoán với thanh khoản tăng

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL tăng điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

GVR, SHB

## [Cập nhật công ty]

HPG, MBB

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục áp dụng chiến lược trading quay vòng, nắm giữ một phần vị thế và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại

16/06/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,115.22	-0.16
VN30	1,109.06	+0.04
HĐTL VN30F1M	1,102.60	-0.60
HNXIndex	228.44	-0.47
HNX30	427.32	-0.97
UPCoM	84.62	+0.08
USD/VND	23,526	-0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.75	-14
Lãi suất qua đêm (%)	0.85	-55
Dầu (WTI, \$)	70.46	-0.23
Vàng (LME, \$)	1,961.35	+0.17



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,115.22 (-0.16%)  
**KLGD (triệu CP)** 1,075.4 (+62.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 953.2 (+68.8%)

**HNXIndex** 228.44 (-0.47%)  
**KLGD (triệu CP)** 135.5 (+49.0%)  
**GTGD (triệu US\$)** 93.2 (+40.8%)

**UPCoM** 84.62 (+0.08%)  
**KLGD (triệu CP)** 110.8 (+96.4%)  
**GTGD (triệu US\$)** 37.4 (+45.6%)

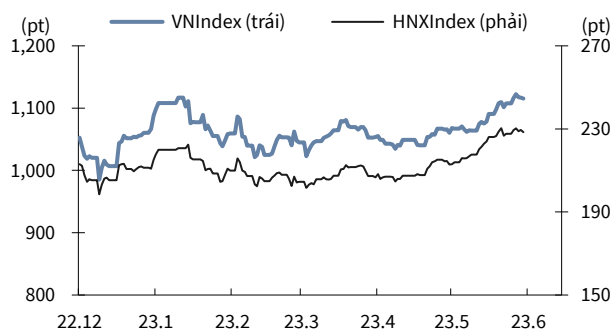
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +17.5

TTCK Việt Nam tăng điểm trong hầu hết phiên giao dịch, kết phiên đảo chiều giảm điểm mạnh dưới sự ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu chứng khoán với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại VND (+1.6%), HPG (+1.3%), STB (+4.3%).

Giá thép hôm nay ghi nhận tại thị trường trong nước sự điều chỉnh giảm lần thứ 10 liên tiếp tính từ ngày 8/4. Cụ thể, giảm 200 đồng, xuống mức giá 14,690 đồng/kg với dòng thép thanh vằn D10 CB300. Giá cổ phiếu nhóm Thép giảm giá ở HSG (-0.3%), POM (-2.44%).

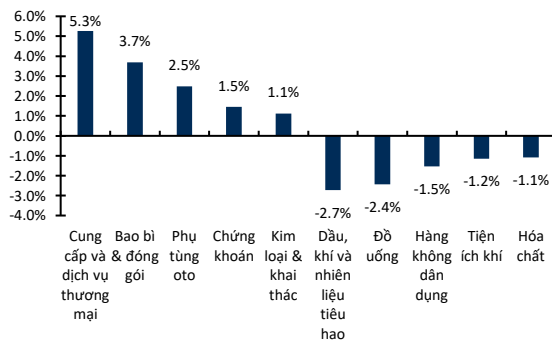
Ngày 16/6, Ngân hàng Nhà nước phát đi thông báo về việc giảm lãi suất điều hành với các mức giảm từ 0.25%-0.5%/năm. Đây là lần thứ tư (tính từ đầu năm) các mức lãi suất điều hành được giảm để hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế. Nhóm chứng khoán phản ứng tích cực trước thông tin này và tăng giá ở VIX (+2.35%), VND (+1.57%).

VNIndex & HNXIndex



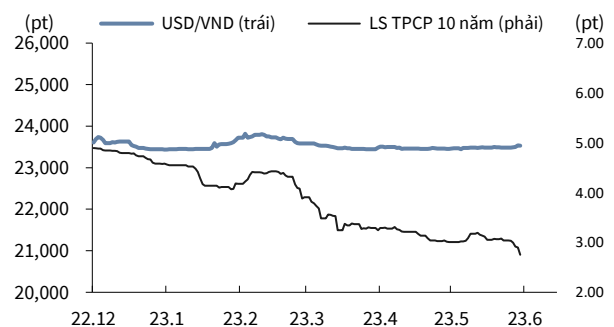
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



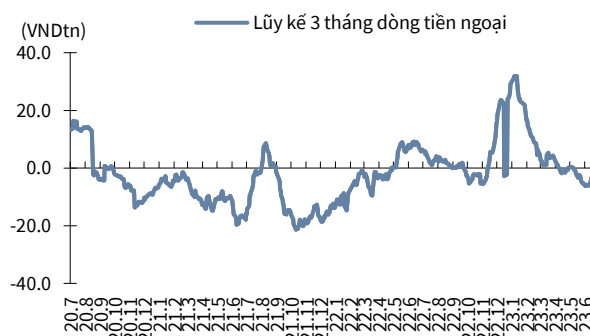
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

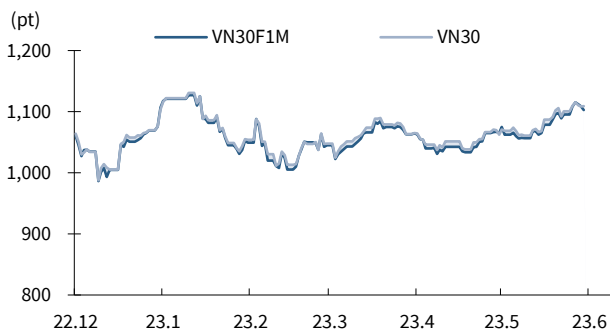
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,109.06 (+0.04%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,102.6 (-0.60%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,104.2</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,122.8</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,100.0</b>

HĐTL tăng điểm trái ngược với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2307 và VN30 mở cửa tại -3.77 điểm, sau đó biến động quanh mức -3.87 điểm với biên độ lớn và đóng cửa tại -6.46 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

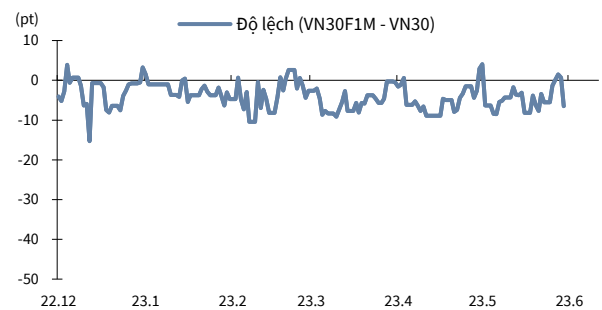
**KLGD (HĐ)**      **246,386 (+36.7%)**

### HĐTL VN30F1M & VN30



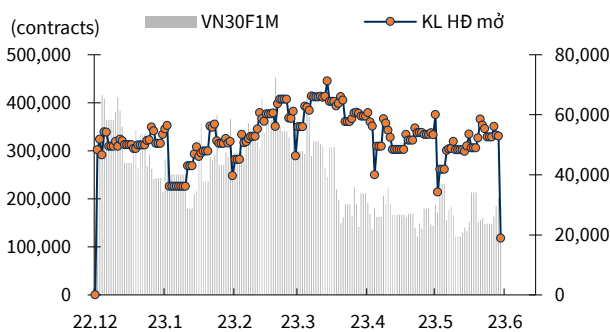
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



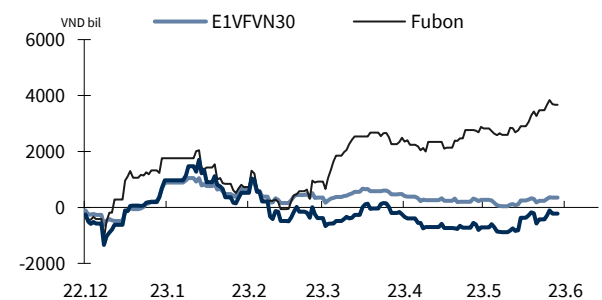
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

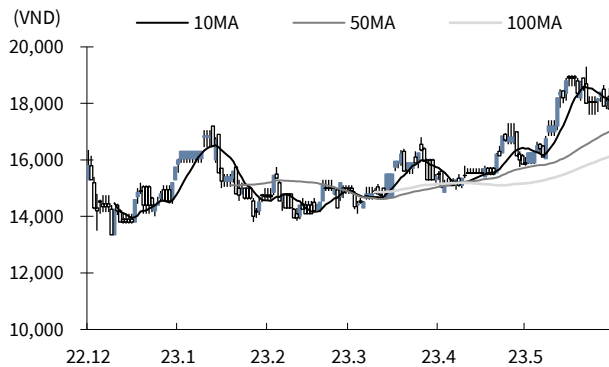
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - CTCP (GVR)

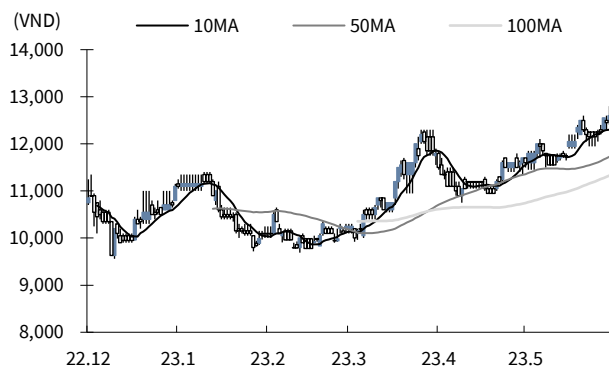


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- GVR giảm 1.4% xuống 17,800 VND/cp

- Năm 2023, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty Cổ phần đặt kế hoạch lợi nhuận sau thuế 4,264 tỷ đồng, doanh thu và thu nhập khác hợp nhất là 27,527 tỷ đồng, giảm lần lượt gần 11% và 3% so với kết quả năm ngoái. GVR đang có kế hoạch chuyển đổi khoảng 40,000 ha đất cao su thành đất khu công nghiệp. Trong đó đến năm 2025, GVR đặt mục tiêu chuyển đổi được 7,000 - 8,000 ha.

## Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- SHB tăng 1.2% lên 12,600 VND/cp

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam vừa có văn bản chấp thuận về việc Ngân hàng Sài Gòn – Hà Nội tăng vốn điều lệ tối đa thêm 5,971 tỷ đồng theo phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông SHB thông qua. Ngân hàng sẽ tăng vốn dưới 2 hình thức: phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022 cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 18% và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).

# CTCP Tập đoàn Hoà Phát (HPG)

## Kỳ vọng sản lượng tiêu thụ hồi phục vào cuối năm

15/06/2023

 Chuyên viên phân tích Nguyễn Dương Nguyên  
 nguyenn1@kbsec.com.vn

**Doanh thu, LNST cổ đông công ty mẹ 1Q2023 đạt lần lượt 26,589 tỷ VND (+3% QoQ) và 393 tỷ VND**

HPG quay trở lại ghi nhận lợi nhuận dương nhờ (1) hoàn nhập 928 tỉ dự phòng hàng tồn kho, giúp biên lãi gộp tăng từ 3% lên 6%, và (2) chi phí SG&A giảm 28% QoQ do cắt giảm hoạt động 3-4 lò cao tại Hải Dương và Dung Quất trong 1Q2023. Thêm vào đó, giá thép tăng nhẹ trong 1Q2023 nhờ kỳ vọng kinh tế hồi phục tại Trung Quốc

**Lợi nhuận dự báo sẽ tiếp tục được gia tăng trong 2Q2023 nhờ diễn biến giá nguyên vật liệu đầu vào thuận lợi**

Trong khi giá chi phí đầu vào giảm mạnh (quặng sắt, than cốc, thép phế giảm lần lượt 10% QoQ, 44% QoQ, 18% QoQ), thép xây dựng và HRC tại Việt Nam có sự suy giảm nhẹ hơn (lần lượt -6% và -15% QoQ), tạo điều kiện cho HPG tiếp tục cải thiện biên lãi gộp trong quý

**HPG đang hoạt động 3 lò cao tại Hải Dương và 3 lò cao tại Dung Quất, có thể mở lại thêm 1 lò cao cuối trong 3Q2023**

Số liệu T5/2023 cho thấy sản lượng sản xuất trong tháng đạt 75% công suất thiết kế và 95% công suất tổng của doanh nghiệp, chủ yếu là nhờ đơn hàng xuất khẩu HRC tăng mạnh trong T4 và T5/2023. Đồng thời, tỉ trọng hàng tồn kho thành phẩm của HPG cũng có xu hướng gia tăng từ đầu năm tới nay. Có thể thấy, HPG đang tích cực chuẩn bị cho sự hồi phục của thị trường tiêu thụ thép trong thời gian tới.

**Khuyến nghị MUA với cổ phiếu HPG với giá mục tiêu 27,400 VND/cổ phiếu**

Chúng tôi khuyến nghị MUA với cổ phiếu HPG, giá mục tiêu 27,400 VND/cổ phiếu, tương ứng với mức upside 19% so với giá đóng cửa ngày 15/06/2023.

## MUA

Giá mục tiêu	VND 27,400
Tăng/giảm	19%
Giá hiện tại (15/06/2023)	VND 23,150
Giá mục tiêu đồng thuận	VND 21,500
Vốn hóa (nghìn tỉ VND/tỉ USD)	134.3/5.7

### Dữ liệu giao dịch

Tỉ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VND/triệu USD)	10.62/0.45
Sở hữu nước ngoài (%)	24.5%
Cổ đông lớn	41.47%

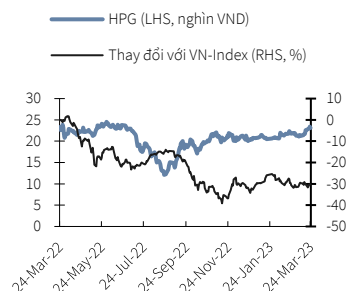
### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	5	8	20	-1
Tương đối	0	3	14	8

### Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh số thuần (tỷ VND)	141,409	114,617	146,411	175,311
Lãi/lỗ từ HĐKD (tỷ VND)	9,794	7,783	12,385	14,595
Lợi nhuận của CĐ công ty mẹ (tỷ VND)	8,484	6,650	10,528	12,405
EPS (VND)	1,459	1,144	1,810	2,133
Tăng trưởng EPS (%)	-81%	-22%	58%	18%
P/E (x)	12.3	20.2	12.8	10.8
P/B (x)	1.1	1.3	1.2	1.1
ROE (%)	9%	7%	10%	10%
Tỉ suất cổ tức (%)	2.5%	0%	0%	0%

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

# Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)

## Duy trì vị thế bền vững

16/06/2023

Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh  
linhpp@kbsec.com.vn

### KQKD Q1/2023 tích cực so với toàn ngành

Tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 11,930 tỷ đồng (+2.6% YoY). Trong đó thu nhập lãi thuần ghi nhận tăng trưởng 22% YoY, thu nhập ngoài lãi giảm mạnh 47.6% YoY. Chi phí dự phòng và chi phí hoạt động được kiểm soát trong quý 1, lần lượt -0.8% YoY và -13% YoY. Nhờ vậy, LNTT tăng trưởng 10% YoY, đạt 6,512 tỷ đồng giúp MBB đứng thứ 3 về lợi nhuận chỉ sau VCB và BIDV.

### Chất lượng tài sản suy giảm trong Q1/2023

Tỷ lệ nợ xấu đến cuối Q1/2023 tăng 75bps so với cuối năm 2022 lên 1.76%. Trong số các nhóm nợ xấu, dư nợ nhóm 2 và 3 tăng hơn gấp đôi so với cuối năm 2022; nợ nhóm 5 cũng tăng 47% QoQ.

### Kỳ vọng tăng trưởng tín dụng tích cực nhờ lợi thế nguồn vốn dồi dào

MBB vẫn là ngân hàng được cấp hạn mức tín dụng cao so với các ngân hàng khác do (1) có lợi thế về nguồn vốn huy động dồi dào, (2) việc tham gia tái cấu trúc TCTD yếu kém sẽ giúp MBB được NHNN cấp hạn mức tín dụng cao hơn mức trung bình.

### Tiếp tục phát huy lợi thế CASA đầu ngành hạn chế rủi ro NIM thu hẹp

Tỷ lệ CASA giảm 5.1% trong quý 1 phản ánh ảnh hưởng của môi trường lãi suất cao. Dù vậy, chúng tôi đánh giá đây chỉ là yếu tố ngắn hạn, với chính sách điều hành của NHNN giảm lãi suất huy động trong thời gian vừa qua, MBB được kỳ vọng sẽ cải thiện tỷ lệ CASA trong các quý tới và tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu ngành.

### Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 27,900 VND/cp

Sử dụng 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi đưa ra mức giá mục tiêu cho năm 2023 của cổ phiếu MBB là 27,900 VND/cp, cao hơn 42% so với giá tại ngày 15/06/2023. Khuyến nghị MUA với cổ phiếu MBB.

## MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VND 27,900
Tăng/giảm	42%
Giá hiện tại (15/06/2023)	19,700
Giá mục tiêu đồng thuận	26,626
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	89,999

### Dự phóng KQKD & định giá

(tỷ VND)	2021	2022	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VND)	26,200	36,023	40,496	45,589
LN trước CF DPRRTD (tỷ VND)	24,557	30,777	34,840	39,399
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VND)	13,221	18,155	20,029	22,048
EPS (đồng/cổ phiếu)	3,361	3,856	4,254	4,683
Tăng trưởng EPS (%YoY)	14%	15%	10%	10%
PER (x)	13.1	11.4	10.3	9.4
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	16,538	17,559	21,134	25,217
PBR (x)	2.66	2.51	2.08	1.74
ROE (%)	23.5%	25.6%	22.8%	21.0%
Tỷ lệ cổ tức (%)	1.36%	1.36%	1.36%	1.36%

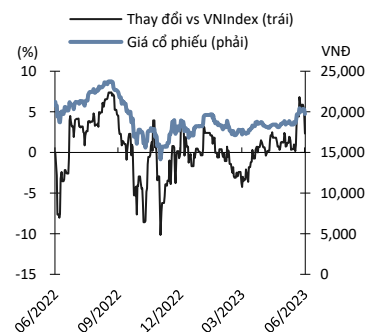
Nguồn: KBSV ước tính

### Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	93.3%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	433.42
Sở hữu nước ngoài (%)	23.24%

### Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	5.9	14.8	8.8	-4.8
Tương đối	1.1	6.9	2.3	3.4



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNINDEX



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNINDEX tăng điểm hưng phấn trong phiên trước khi dần suy yếu và đảo chiều giảm điểm về cuối phiên.
- Áp lực phân phối một lần nữa gia tăng quanh vùng đỉnh cũ 1125 (+5) đã khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. VNINDEX nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên kế tiếp và lùi xuống ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1105-1110 và sâu hơn là 109x nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục áp dụng chiến lược trading quay vòng, nắm giữ một phần vị thế và kết hợp mua tại hỗ trợ - bán tại kháng cự theo từng mã riêng lẻ với phần vị thế còn lại.



## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1108 - 1110

Kháng cự gần: 1105 - 1108

Hỗ trợ gần: 1090 - 1093

Hỗ trợ xa: 1082 - 1085

- F1 tăng điểm hưng phấn trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả đạt được về cuối phiên.
- Áp lực bán chủ động một lần nữa gia tăng quanh vùng đỉnh cũ 1120 (+5) đã khiến cho đà tăng tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. F1 nhiều khả năng sẽ tiếp tục quán tính giảm điểm trong phiên kế tiếp và lùi xuống ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1090 và sâu hơn là 1082-1085 nhằm tìm kiếm lực cầu bắt đáy.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh các ngưỡng kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.



# KBSV danh mục đầu tư mẫu

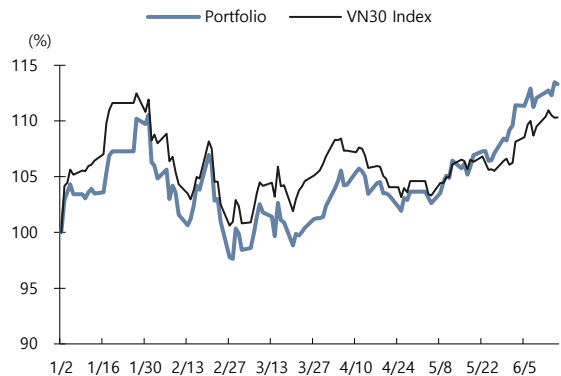
Khối phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.04%	-0.14%
Tăng lũy kế (YTD)	10.33%	13.32%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 16/06/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	41,350	-0.8%	7.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa DMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	26,100	1.6%	24.6%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỷ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,800	-0.7%	26.6%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,200	0.3%	3.4%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	20,250	-0.2%	18.4%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	84,500	0.5%	248.3%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,500	-1.7%	50.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	95,500	-1.1%	30.1%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,450	1.3%	110.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	27,500	-0.4%	167.6%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	1.6%	22.4%	268.6
HPG	1.3%	24.6%	158.1
STB	4.3%	25.5%	129.0
EIB	0.2%	6.1%	71.9
NLG	-0.7%	44.3%	64.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-0.3%	54.5%	-72.4
TPB	0.3%	29.9%	-62.1
CTG	-1.7%	27.3%	-61.4
NVL	-2.3%	5.1%	-48.4
VRE	-1.3%	33.0%	-42.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	-0.5%	16.5%	3.9
PVG	-1.0%	4.3%	1.4
VCS	-2.9%	2.8%	1.2
CEO	0.8%	4.8%	1.1
WCS	0.2%	28.6%	0.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
IDC	-1.9%	1.1%	-16.2
PVS	-1.8%	21.1%	-7.7
HUT	-1.6%	2.0%	-7.0
SHS	0.8%	6.1%	-4.3
NVB	-1.3%	8.6%	-1.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	6.9%	VSC, VOS, SKG, VTO
Cung cấp và dịch vụ thương mại	6.9%	TLG, ILB, APC, ST8
Bao bì & đóng gói	4.3%	TDP, SVI, MCP, TPC
Ngân hàng	2.9%	VCB, BID, VPB, TCB
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	2.7%	TNH, JVC, VMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-2.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Sản phẩm xây dựng	-2.7%	VGC, BMP, SHI, DAG
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	-2.1%	PLX, PGC, CNG, GSP
Đồ uống	-1.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Hóa chất	-1.7%	GVR, DGC, DPM, DCM

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Chứng khoán	14.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Thương mại & phân phối	14.0%	VPG, TSC, BTT, TNA
Thiết bị điện	13.9%	GEX, SAM, CAV, RAL
Cung cấp và dịch vụ thương mại	13.5%	TLG, ILB, APC, ST8
Hàng hải	12.3%	VSC, VOS, SKG, VTO

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Phụ tùng oto	-6.9%	DRC, CSM, PAC, TNC
Đồ uống	-5.4%	SAB, BHN, SMB, SCD
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-3.6%	AST, VNG, DSN, DAH
Bảo hiểm	-2.2%	BVH, MIG, BIC, BMI
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-1.3%	PNJ, TCM, MSH, GIL

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	98,103 (4.2)	22.5	72.2	66.0	14.7	2.5	2.7	1.8	1.8	0.0	2.3	1.1	-0.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	98,707 (4.2)	26.6	8.0	7.4	35.9	19.2	17.6	1.4	1.2	-0.9	0.9	7.3	16.7
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	89,036 (3.8)	17.8	15.2	13.7	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	-1.3	-0.7	-6.7	0.8
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	389,179 (16.6)	31.3	-	-	6.7	-	-	-	-	-2.3	2.1	9.2	6.4
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	71,111 (3.0)	11.6	23.3	16.6	13.7	8.1	11.3	1.8	1.7	0.2	0.8	4.2	15.8
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	264,422 (11.3)	13.9	34.8	26.2	-	2.8	3.6	-	-	0.4	-1.7	-1.7	11.8
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	73,454 (3.1)	6.3	14.6	12.7	11.7	23.0	21.0	2.9	2.4	1.4	4.5	13.4	31.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	40,575 (1.7)	12.7	11.4	9.5	-5.3	20.3	20.4	1.9	1.6	-0.3	0.6	-2.9	13.2
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	152,823 (6.5)	0.0	5.8	5.0	14.3	16.0	15.9	0.9	0.7	-0.3	0.5	9.2	25.9
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	131,972 (5.6)	1.4	8.4	6.9	50.3	16.4	17.2	1.1	1.0	-1.7	0.5	2.0	4.6
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	242,963 (10.3)	0.0	8.8	6.8	18.8	12.6	12.5	1.1	0.9	-0.8	0.3	-0.3	9.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	207,435 (8.8)	0.0	4.8	4.1	14.6	22.2	20.7	1.0	0.8	0.0	-2.7	4.8	15.2
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	42,632 (1.8)	4.2	4.7	4.6	23.3	23.0	19.7	1.0	0.9	-0.3	0.5	-4.6	16.6
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	475,152 (20.2)	14.0	7.7	4.5	26.5	18.9	24.8	1.2	0.9	4.3	3.2	5.8	28.9
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	130,701 (5.6)	0.0	4.8	4.2	37.4	20.0	19.6	1.0	0.8	0.3	-2.4	6.2	20.3
EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	146,099 (6.2)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.2	0.5	7.8	-10.7	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	35,354 (1.5)	21.0	15.8	14.2	15.8	10.1	10.6	1.5	1.4	-0.8	0.6	-2.8	-5.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	6,936 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	1.0	1.7	6.1	12.6
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	506,409 (21.6)	55.4	21.6	17.5	-3.2	8.3	10.2	-	-	1.6	3.4	14.0	47.5
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	180,322 (7.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	2.2	0.9	8.3	51.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	182,808 (7.8)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.9	0.9	4.7	34.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	671,989 (28.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	1.6	2.4	24.4	43.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	194,405 (8.3)	42.1	15.5	14.3	4.0	29.0	31.2	4.2	4.1	-0.3	0.5	-5.2	-13.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	19,971 (0.9)	36.9	21.7	19.8	7.3	21.2	21.5	3.8	4.2	-2.5	-1.9	-4.9	-7.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	99,404 (4.2)	16.5	32.5	16.2	-51.9	8.0	12.9	3.8	2.9	-0.6	0.1	4.5	-17.6
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	17,554 (0.7)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.3	-1.8	-0.3	-6.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	79,657 (3.4)	11.0	82.5	44.8	-88.5	5.9	11.2	-	-	-1.6	-0.5	-2.1	-12.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	35,758 (1.5)	10.8	12.4	16.3	-57.0	22.4	11.9	1.8	1.7	0.4	-1.6	1.0	11.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	170,758 (7.3)	38.4	14.0	11.4	65.7	2.4	3.8	0.8	0.9	0.3	-0.9	16.3	35.3
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	337,485 (14.4)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.5	0.0	35.0	54.0
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	39,327 (1.7)	3.6	24.1	20.3	-52.4	2.5	2.8	-	-	-0.8	-1.2	3.6	99.7
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	48,509 (2.1)	0.0	10.9	10.5	-4.5	15.9	15.3	1.5	1.4	1.0	0.8	6.3	0.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	53,767 (2.3)	46.1	15.8	15.7	-17.5	19.0	18.2	2.9	2.7	-1.1	1.9	3.4	-5.9
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	20,564 (0.9)	31.4	11.7	11.5	-10.5	15.1	17.1	2.0	2.0	-2.2	-2.0	1.6	9.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,716 (0.2)	34.1	-	-	-5.1	-	-	-	-	-1.2	-2.1	6.5	29.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	473,932 (20.2)	18.0	15.0	10.9	21.9	9.2	11.6	1.3	1.2	1.3	2.4	6.6	30.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	82,886 (3.5)	36.5	8.7	9.8	-0.5	12.3	11.0	0.9	0.9	0.0	-2.1	-0.3	-24.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	88,921 (3.8)	46.5	11.2	8.3	-4.5	10.8	15.5	1.3	1.2	-0.4	-2.2	4.2	-6.0
	HSG	HOA SEN GROUP	18,864	11,063 (481)	284,964 (12.1)	38.9	-	13.6	67.9	-0.7	6.7	0.9	0.8	-0.3	-0.3	4.4	42.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	68,147 (2.9)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-4.0	-6.1	-0.9	57.4
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	27,174 (1.2)	4.6	14.8	12.8	-51.0	12.9	13.4	1.8	1.7	-2.9	-2.1	-2.2	17.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	131,900 (5.6)	39.9	19.1	12.8	-11.9	5.1	7.7	0.9	0.9	-2.3	1.1	6.7	33.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	65,826 (2.8)	35.9	7.4	6.5	2.2	14.8	15.0	1.0	0.9	-0.7	1.0	2.2	-5.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	132,235 (5.6)	0.0	21.0	11.5	14.4	11.1	18.3	2.3	2.1	-0.8	-0.1	7.5	-3.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	39,138 (1.7)	0.0	13.8	11.1	2.4	20.3	22.0	2.5	2.1	-0.7	1.1	-2.3	-19.0
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,628 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	1.1	3.3	22.8	59.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	54,121 (2.3)	30.3	48.1	20.0	-75.2	-	14.1	3.6	3.0	-0.8	6.7	12.8	3.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	33,782 (1.4)	34.6	10.7	10.6	41.2	17.6	15.8	1.8	1.5	0.4	0.0	10.9	17.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	6,395 (0.3)	45.4	13.0	12.1	10.7	25.6	24.6	3.3	2.8	-1.4	-1.7	12.6	46.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	77,706 (3.3)	0.0	15.6	12.9	15.5	27.5	27.9	3.8	3.3	0.5	-0.1	3.7	9.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHOẢ PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyenn1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuann1@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khoả phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anh1d@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tiens@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

